

Số: 29/KL-T.Tr

Bù Đóp, ngày 06 tháng 11 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật về thu, chi tài chính
đối với Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện Bù Đóp

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-TTr ngày 05/9/2023 của Chánh Thanh tra huyện Bù Đóp về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về thu, chi tài chính (gồm nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu khác) đối với Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Đoàn thanh tra 18).

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 51/BC-ĐTTr ngày 06/11/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra 18 và ý kiến giải trình của các đơn vị được thanh tra.

Chánh Thanh tra huyện Bù Đóp kết luận như sau:

PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện là các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện Bù Đóp, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện có tư cách pháp nhân, có trụ sở và con dấu riêng, được ngân sách Nhà nước giao dự toán kinh phí và biên chế hằng năm để hoạt động và thực hiện chế độ tài chính, thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định pháp luật.

- Về tổ chức bộ máy, biên chế, lao động:

+ Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện có tổng số biên chế được giao là 06 công chức (hiện tại đã có đầy đủ 06 công chức). Về bộ máy quản lý, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện có 03 công chức giữ chức vụ quản lý gồm 01 Trưởng phòng và 02 Phó Trưởng phòng.

+ Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện có tổng số biên chế được giao là 06 công chức (hiện tại đang có 05 công chức, còn thiếu 01 công chức so với tổng số biên chế được giao). Về bộ máy quản lý, Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện có 02 công chức giữ chức vụ quản lý gồm 01 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng.



- Về chức năng, nhiệm vụ:

+ Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện: Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ gia đình; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của UBND huyện và theo quy định của pháp luật.

+ Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện: Có chức năng, nhiệm vụ chính tham mưu, giúp UBND Bù Đốp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương trong các lĩnh vực gồm lao động, việc làm, dạy nghề; các chính sách về an toàn lao động; các chính sách về người có công, về bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội và các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới.

PHẦN II: KẾT QUẢ THANH TRA

I. Về hoạt động thu, chi tài chính

- Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện và kết quả thanh tra các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, đối chiếu kho bạc, hồ sơ, chứng từ có liên quan thể hiện đơn vị có nguồn thu, chi từ ngân sách huyện giao. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở tài khoản dự toán tại kho bạc nhà nước để quản lý, sử dụng đối với nguồn kinh phí này. Sau khi có quyết định cấp dự toán (cả bổ sung) của UBND huyện, đơn vị đã ban hành quyết định phân bổ dự toán gửi Phòng Tài chính kế hoạch huyện và Kho bạc Nhà nước huyện để theo dõi, kiểm soát chi. *(Kết quả thu, chi cụ thể theo Phụ lục số 01 kèm theo Kết luận này).*

- Theo báo cáo của Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện và kết quả kiểm tra các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, đối chiếu kho bạc, hồ sơ, sổ sách, chứng từ có liên quan thể hiện đơn vị có các nguồn thu, chi từ ngân sách nhà nước cấp gồm ngân sách trung ương giao (ủy quyền) để chi trả cho các đối tượng hưởng chế độ ưu đãi và nguồn kinh phí do ngân sách huyện giao. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện mở tài khoản dự toán tại kho bạc nhà nước để quản lý, sử dụng đối với nguồn kinh phí này. Sau khi có quyết định cấp dự toán (cả bổ sung) của UBND huyện, đơn vị đã ban hành quyết định phân bổ dự toán gửi Phòng Tài chính kế hoạch huyện và Kho bạc Nhà nước huyện để theo dõi, kiểm soát chi. *(Kết quả thu, chi cụ thể đối với nguồn ngân sách huyện giao cụ thể theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Kết luận này).*

II. Kết quả thanh tra trực tiếp sổ sách, hồ sơ, chứng từ

1. Về công tác quản lý tài chính, kế toán tại đơn vị

1.1. Đối với nguồn ngân sách Trung ương giao (ủy quyền)

Do phân cấp thẩm quyền quản lý (đơn vị quyết toán trực tiếp với cơ quan cấp tỉnh) nên Đoàn thanh tra 18 không thanh tra đối với nội dung này.

1.2. Đối với nguồn ngân sách do UBND huyện giao dự toán

- Việc áp dụng chế độ kế toán, tài khoản kế toán: đơn vị áp dụng theo Luật kế toán 2015; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Các đơn vị được thanh tra thực hiện hạch toán kế toán bằng phần mềm kế toán Misa.

- Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: Qua thanh tra trực tiếp, Đoàn thanh tra 18 nhận thấy Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện đã thực hiện ban hành các Quy chế chi tiêu nội bộ, nội dung Quy chế cơ bản đảm bảo các chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, trong nội dung Quy chế của Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện còn một số hạn chế như sau:

+ Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-LĐTĐ ngày 02/01/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản năm 2021. Tuy nhiên, việc ban hành Quy chế này của Phòng chưa thể hiện việc tham gia ý kiến của tổ chức công đoàn cơ quan. Đối với nội dung chi phúc lợi tập thể trong Quy chế, Phòng chưa cập nhật, bổ sung các nội dung quy định tại Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06/5/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2011/TT-BTC quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định định mức chi hỗ trợ tiền ăn là 0,6 x mức lương cơ sở/học viên/ngày học là vượt định mức so với quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

+ Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-NN ngày 04/01/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản năm 2021. Tuy nhiên, đối với nội dung chi phúc lợi tập thể trong Quy chế, đơn vị chưa cập nhật, bổ sung các nội dung quy định tại Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06/5/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2011/TT-BTC quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định định mức chi hỗ trợ tiền ăn là 0,6 x mức lương cơ sở/học



viên/ngày học là vượt định mức so với quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Việc chấp hành các quy định về hạch toán, chứng từ, sổ sách kế toán, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán: Các cơ quan, đơn vị được thanh tra đã mở các loại sổ sách kế toán theo quy định; báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, đối chiếu kho bạc được lập và nộp cho các cơ quan liên quan đúng thời gian quy định; các đơn vị lưu trữ, bảo quản, sắp xếp hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán đầy đủ, khoa học.

2. Về chứng từ chi

Qua thanh tra trực tiếp chứng từ chi tại các đơn vị được thanh tra, Đoàn thanh tra 18 nhận thấy một số sai phạm như sau:

- Đối với Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện:

+ Chi phụ cấp cho Ban vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2021 vượt dự toán giao số tiền 5.088.000 đồng;

+ Chi tiền từ nguồn NSNN cấp (nguồn 12) liên quan đến Ban vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2022 vượt dự toán số tiền 6.000.000 đồng (tính toán trên cơ sở tổng dự toán được giao).

- Đối với Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện: Một vài chứng từ chi mua sắm trang thiết bị phòng chống thiên tai thì đơn vị sau khi mua về giao ngay cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nhưng không lập phiếu giao nhận nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ theo mẫu C34-HD được hướng dẫn theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

PHẦN III: KẾT LUẬN NỘI DUNG THANH TRA

I. Đánh giá tổng quát về hoạt động thu, chi tài chính

Trong hoạt động thu, chi tài chính từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp thì các đơn vị được thanh tra đã thực hiện tốt công tác mở các loại sổ sách theo dõi và báo cáo quyết toán, bảng đối chiếu thu, chi tài chính tương đối đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các đơn vị được thanh tra cũng thực hiện việc lưu trữ tương đối đầy đủ hồ sơ, chứng từ; sắp xếp hồ sơ, chứng từ gọn gàng, khoa học; cung cấp hồ sơ, chứng từ theo yêu cầu của Đoàn thanh tra. Các đơn vị được thanh tra có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhưng nội dung quy chế chưa đảm bảo theo quy định pháp luật.

II. Phần chứng từ chi

Qua kết quả thanh tra trực tiếp tại Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện và Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện nhận thấy đa số chứng từ chi được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội

dung chi các đơn thực hiện chưa đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

- Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện: Một vài chứng từ chi mua sắm trang thiết bị phòng chống thiên tai, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện sau khi mua trang thiết bị về giao ngay cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nhưng không lập phiếu giao nhận nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ. Đối với nội dung chi này, Đoàn thanh tra 18 nhắc nhở đơn vị bổ sung hồ sơ để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện: Chi sai quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 liên quan đến chi tiền cho Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tổng số tiền 11.088.000 đồng.

PHẦN IV: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật về thu, chi tài chính đối với Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện, Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

I. Về chấn chỉnh, khắc phục các sai phạm

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị được thanh tra kịp thời chấn chỉnh, khắc phục và rút kinh nghiệm các sai phạm do Đoàn thanh tra 18 phát hiện về công tác thu, chi tài chính. Đồng thời, kế toán các đơn vị được thanh tra có trách nhiệm tự kiểm điểm rút kinh nghiệm trước Thủ trưởng đơn vị mình vì đã để xảy ra sai phạm trong công tác tham mưu lĩnh vực tài chính, kế toán.

II. Đối với việc xử lý tài chính

Chánh Thanh tra huyện đề nghị Chủ tịch UBND huyện ban hành văn bản xuất toán nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 11.088.000 đồng do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện đã chi sai quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 (liên quan đến chi tiền đối với Ban vì sự tiến bộ phụ nữ).

* Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện có trách nhiệm nộp số tiền này vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện Bù Đốp số 3949.0.1093610.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện Bù Đốp.

IV. Về công tác sau khi ban hành Kết luận thanh tra

- Giao ông Phan Dực – Phó Chánh Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với các bộ phận có liên quan tổ chức công bố và giao Kết luận này cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Giao ông Nguyễn Văn An – Thanh tra viên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận này.

- Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện có trách nhiệm niêm yết Kết luận này tại trụ sở làm việc của đơn vị mình theo quy định pháp luật.

- Đề nghị Văn phòng HĐND-UBND huyện, Ban Biên tập cổng thông tin điện tử huyện Bù Đốp đăng tải ít nhất 15 ngày liên tục Kết luận này lên cổng thông tin điện tử huyện Bù Đốp theo quy định tại khoản 1, điều 9 Nghị định 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định về hình thức công khai Kết luận thanh tra.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Kết luận này và gửi kết quả thực hiện đến Thanh tra huyện Bù Đốp để theo dõi, thời gian gửi chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra huyện Bù Đốp về việc chấp hành pháp luật về thu, chi tài chính đối với Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Lao động – Thương binh & Xã hội huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- CT.UBND huyện;
- Thanh tra tỉnh (thay b/c);
- Thanh tra huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Phòng LĐ-TB&XH huyện;
- Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Ban Biên tập cổng thông tin điện tử huyện;
- Ông Phan Dực;
- Ông Nguyễn Văn An;
- Thành viên Đoàn Thanh tra 18;
- Lưu: HS, VT.

CHÁNH THANH TRA



Trương Đình Bắc

UBND HUYỆN BÙ ĐÓP
THANH TRÀ HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THU, CHI TÀI CHÍNH
ĐỐI VỚI PHÒNG LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI HUYỆN
(Ban hành kèm theo Kết luận số 29/KL-T.Tr ngày 06/11/2023 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: VNĐ

Stt	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
I	Tổng dự toán được giao, trong đó:	16.235.671.000	9.846.096.000	11.875.952.000	
1	<i>Kinh phí kỳ trước chuyển sang</i>	<i>237.016.000</i>	<i>277.886.000</i>	<i>0</i>	
1.1	Kinh phí tự chủ	0	0	0	
1.2	Kinh phí không tự chủ	237.016.000	277.886.000	0	
2	<i>Dự toán được giao trong kỳ (kể cả bổ sung)</i>	<i>15.998.655.000</i>	<i>9.568.210.000</i>	<i>11.875.952.000</i>	
2.1	Kinh phí tự chủ	613.805.000	629.550.000	754.840.000	
2.2	Kinh phí không tự chủ	15.384.850.000	8.938.660.000	11.121.112.000	
II	Kinh phí đã sử dụng trong kỳ đề nghị quyết toán	14.802.935.000	9.196.387.978	10.268.758.410	
1	Kinh phí tự chủ	613.805.000	629.550.000	754.840.000	
2	Kinh phí không tự chủ	14.189.130.000	8.566.837.978	9.513.918.410	
III	Dự toán bị giảm trừ, hủy	1.154.850.000	649.688.022	222.765.590	
1	Kinh phí tự chủ	0	0	0	
2	Kinh phí không tự chủ	1.154.850.000	649.708.022	222.765.590	
IV	Kinh phí còn tồn chuyển kỳ sau	277.886.000	0	1.384.428.000	
1	Kinh phí tự chủ	0	0	0	
2	Kinh phí không tự chủ	277.886.000	0	1.384.428.000	

UBND HUYỆN BÙ ĐÓP
THANH TRÀ HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THU, CHI TÀI CHÍNH
ĐỐI VỚI PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Kết luận số 29/KL-T.Tr ngày 06/11/2023 của Chánh Thanh tra huyện)

DVT: VNĐ

Stt	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
I	Tổng dự toán được giao, trong đó:	4.150.393.348	4.345.630.000	7.409.759.550	
1	<i>Kinh phí kỳ trước chuyển sang</i>	180.348	0	0	
1.1	Kinh phí tự chủ	0	0	0	
1.2	Kinh phí không tự chủ	180.348	0	0	
2	<i>Dự toán được giao trong kỳ (kể cả bổ sung)</i>	4.150.213.000	4.345.630.000	7.409.759.550	
2.1	Kinh phí tự chủ	756.743.000	761.990.000	787.300.000	
2.2	Kinh phí không tự chủ	3.393.470.000	3.583.640.000	6.622.459.550	
II	Kinh phí đã sử dụng trong kỳ đề nghị quyết toán	3.800.708.869	4.222.892.957	5.315.267.736	
1	Kinh phí tự chủ	756.743.000	761.990.000	787.300.000	
2	Kinh phí không tự chủ	3.043.965.869	3.460.902.957	4.527.967.736	
III	Dự toán bị giảm trừ, hủy	349.684.479	122.737.043	43.368.350	
1	Kinh phí tự chủ	0	0	0	
2	Kinh phí không tự chủ	349.684.479	122.737.043	43.368.350	
IV	Kinh phí còn tồn chuyển kỳ sau	0	0	2.051.123.464	
1	Kinh phí tự chủ	0	0	0	
2	Kinh phí không tự chủ	0	0	2.051.123.464	